

CÔNG TY CỔ PHẦN FIFC VINAPROSPEROUS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN FIFC VINAPROSPEROUS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FIFC VINAPROSPEROUS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FIFC VINAPROSPEROUS.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109615234

3. Ngày thành lập: 28/04/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 31 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0888669399

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230(Chính)
2.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
3.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
4.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
5.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
6.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
10.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
11.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
12.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
13.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
14.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
15.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất	6820
16.	Hoạt động hậu kỳ	5912
17.	Quảng cáo	7310
18.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Loại trừ: Hoạt động của các nhà báo độc lập	9000
19.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990

20.	In ấn	1811
21.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
22.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
23.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
24.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
25.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
26.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
27.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
28.	Bốc xếp hàng hóa	5224
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Loại trừ: Tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu	5229
31.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết - Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);	6619
32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng do công ty kinh doanh (Thực hiện theo Điều 28, Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc Hội ban hành ngày 14/06/2005)	8299
33.	Xây dựng nhà để ở	4101
34.	Xây dựng nhà không để ở	4102
35.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
36.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
37.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
38.	Xây dựng công trình thủy	4291
39.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
40.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
41.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
42.	Phá dỡ	4311
43.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
44.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
45.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
46.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
47.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

48.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5510
49.	Cơ sở lưu trú khác	5590
50.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
51.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5621
52.	Dịch vụ ăn uống khác (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5629
53.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
54.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
55.	Thu gom rác thải độc hại	3812
56.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
57.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
58.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
59.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
60.	Hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá và các dịch vụ xã hội khác (trừ bảo đảm xã hội bắt buộc)	8412
61.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
62.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
63.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người bị thiếu năng, tâm thần và người nghiện	8720
64.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc	8730
65.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
66.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
67.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
68.	Đào tạo sơ cấp	8531
69.	Đào tạo trung cấp	8532
70.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
71.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552

72.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: Dạy về tôn giáo, các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể	8559
73.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
74.	Đại lý du lịch	7911
75.	Điều hành tua du lịch	7912
76.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
77.	Bán buôn thực phẩm	4632
78.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
79.	Bán buôn đồ uống	4633
80.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
81.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
82.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
83.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
84.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
85.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
86.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
87.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
88.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
89.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
90.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
91.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán.	7490
92.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
93.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
94.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
95.	Cho thuê xe có động cơ	7710
96.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
97.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
98.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
99.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
100.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830

101.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.	6810
------	---	------

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ THỌ CHIẾN	14Q2B Nguyễn An Ninh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	027094000054	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000		
2	PHẠM THỊ HƯƠNG LEN	Số 1 Tổ 33 Cụm 6, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	20,000	013314903	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	20,000		
3	PHẠM VĂN DƯƠNG	Thôn Vũ Xá, Phường Thất Hùng, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.400.000	14.000.000.000	70,000	142647779	
			Tổng số	1.400.000	14.000.000.000	70,000		
4	ĐÀO THANH NGÀ	P27A/187 Phố Tây Sơn, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	011904647	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM VĂN DƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 08/11/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 142647779

Ngày cấp: 30/06/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Vũ Xá, Phường Thất Hùng, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 1B ngách 562/52 Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội